

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG**

TỈNH TIỀN GIANG.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **56** /2018/HS-ST;

Ngày: 29/11/2018.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Văn Hợp.

2/ Ông Nguyễn Thanh Phong.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Tuấn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2018 lúc 08 giờ, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/HS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/QĐXXST-HS ngày 16/11/2018 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Phạm Thanh K, sinh năm: 1990, tại huyện GCD, tỉnh Tiền Giang.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: ấp TH, xã BN, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang; giấy CMND: 312119644; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; con của ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị Th; vợ: Lê Thị Trường Th, sinh năm: 1991, chưa có con.

Tiền án: 01 lần, cụ thể:

Ngày 12/4/2012, phạm tội “Cướp tài sản” chiếm đoạt 01 xe đạp điện trị giá 3.500.000 đồng. Tại Bản án số 30/2014/HS-ST ngày 29/8/2014 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, áp dụng các Điều 20, 33, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 47 khoản 1 điều 133 Bộ luật hình sự, xử phạt Phạm Thanh K 02 năm tù, tính từ ngày 17/02/2014, chấp hành xong ngày 17/11/2015 (đã xóa án tích).

Tiền sự: Quyết định số 24/2018/QĐ-TA ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện GCD, tỉnh Tiền Giang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Phạm Thanh K thời hạn 12 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo Phạm Thanh K đang chấp hành tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tiền Giang, hôm nay bị cáo K có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: Thi Ngọc H, sinh năm: 1985, tại thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: số 99 NH, khu phố B, phường M, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang; giấy CMND: 311798374; nghề nghiệp: Thợ điện cơ; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; con của ông Thi Ngọc A và bà Phan Thị B; vợ: Trương Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1993, có 01 con.

Tiền án: 01 lần, cụ thể:

Ngày 07/6/2007, phạm tội “Trộm cắp tài sản” chiếm đoạt 02 bình ắc quy trị giá 800.000 đồng. Tại Bản án số 52/2007/HS-ST ngày 29/8/2007 của Tòa án nhân dân huyện GCD, tỉnh Tiền Giang, áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt Thi Ngọc H 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tính từ ngày 08/6/2007, chấp hành xong ngày 08/3/2008, bản án này không tính bị cáo H có tiền án, vì do giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng, theo quy định của Nghị quyết số 33/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội.

Tiền sự 02 lần, cụ thể: Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của Ủy ban nhân dân phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang áp dụng biện pháp giáo dục tại phường theo Nghị định số 111/2013/NQ-CP của Chính phủ đối với Thi Ngọc H thời hạn 03 tháng từ ngày 01/12/2017 đến ngày 01/3/2013 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Quyết định số 38/2018/QĐ-TA ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Thi Ngọc H thời hạn 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo Thi Ngọc H đang chấp hành tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tiền Giang, hôm nay bị cáo H có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Huỳnh Văn T, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Cư trú: ấp LH, xã LC, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngô Tấn D, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Cư trú: khu phố M, phường H, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bản cáo trạng số 51 /CT-VKSTXGC ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo Phạm Thanh K, Thi Ngọc H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ, ngày 03/8/2018, Phạm Thanh K, sinh năm 1990, ngụ ấp TH, xã BN, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang điều khiển xe mô tô hai bánh mang biển kiểm soát 68M6-0218 đến gặp Thi Ngọc H, sinh năm 1985, ngụ khu phố B, Phường M, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang và rủ đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài, Thi Ngọc H đồng ý. Phạm Thanh K kêu Thi Ngọc H chạy xe chở cả hai lòng vòng thị xã Gò Công tìm tài sản để trộm. Khi đến khu vực ấp LM, xã LC, thị xã GC, Phạm Thanh K phát hiện 01 xe mô tô hai bánh mang biển kiểm soát 63F7-2213 của ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1963, ngụ ấp LH, xã LC, thị xã GC đang dựng bên lề đường không có người trông coi. Quan sát xung quanh không có người, Phạm Thanh K kêu Thi Ngọc H dừng xe lại, đi đến bứt sợi dây điện trên cổ xe mô tô 63F7-2213, nổ máy chạy đi và kêu Thi Ngọc H cùng chạy xe đến nhà của anh Nguyễn Duy Qu, sinh năm 1984, đăng ký thường trú: khu phố N, Phường H, thị xã GC, tạm trú: ấp THT, xã BT, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang gửi và nhờ anh Nguyễn Duy Qu bán xe giùm.

Sau đó, Phạm Thanh K chở Thi Ngọc H tiếp tục đi tìm tài sản để trộm, khi đến khu vực thuộc xã Bình Ân, huyện GCD, tỉnh Tiền Giang thì thấy 01 chiếc xe đạp điện hiệu ASAMA màu xanh dương đang dựng cặp mé ruộng, không có người trông coi. Phạm Thanh K lấy trộm xe đạp điện cùng Thi Ngọc H chạy về nhà của anh Nguyễn Duy Qu ở xã BT, huyện GCT tiếp tục gửi nhờ bán dùm. Phạm Thanh K chở Thi Ngọc H về nhà vợ của Thi Ngọc H đối diện khách sạn SM ở xã LC, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

Sau khi biết xe mô tô và xe đạp điện mà Phạm Thanh K và Thi Ngọc H đem gửi là do trộm cắp mà có, anh Nguyễn Duy Qu đã đem tài sản đến gặp và nhờ ông Ngô Tấn D, sinh năm 1961, ngụ khu phố M, Phường H, thị xã GC đem đến Cơ quan Cảnh sát điều tra giao nộp. Qua xác minh được biết anh Nguyễn Duy Qu đã bỏ địa phương đi đâu không rõ, Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được nên chưa có căn cứ xác định anh Nguyễn Duy Qu phạm tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

Tang vật thu giữ:

- 01 xe mô tô hai bánh không biển số, số máy: DGE 100-0300717, số khung: DGF 100-0300717.

- 01 xe mô tô hai bánh mang biển kiểm soát 68M6-0218, số máy: 045650, số khung: 045650.

- 01 xe đạp điện nhãn hiệu ASAMA, số sườn AM 130303793.

Theo Kết luận định giá số 16/KL-HĐĐG ngày 17/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Gò Công thì xe mô tô hiệu DEAHAN màu nâu, số máy DGE100-0300717; số khung DGF 100-0300717 (xe không biển số) giá 3.100.000 đồng.

Đối với xe mô tô mang biển kiểm soát 68M6-0218, mà Phạm Thanh K sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản là của Phạm Thanh K mua lại của 01 người lạ không biết tên và địa chỉ, khi mua không có giấy đăng ký xe. Qua xác minh thì người đứng tên chủ xe là anh Trần Văn Ph, sinh năm 1988, ngụ 198/11 NTTr, phường VB, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. Hiện tại anh Trần Văn Ph không có mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, không biết đang ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được.

* Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Gò Công đã xử lý các vật chứng như sau:

+ Trao trả xe mô tô hai bánh không biển số, số máy: DGE 100-0300717, số khung: DGF 100-0300717 cho ông Huỳnh Văn T vào ngày 18/8/2018.

+ Chuyển giao xe đạp điện nhãn hiệu ASAMA màu xanh, số sườn AM130303793 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện GCD để xử lý theo thẩm quyền vào ngày 10/10/2018.

- Hiện đang tạm giữ: 01 xe mô tô hai bánh mang biển kiểm soát 68M6-0218, số máy: 045650, số khung: 045650.

* Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi ông Huỳnh Văn T nhận lại tài sản bị mất trộm, ông không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Phạm Thanh K, Thi Ngọc H phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

Trong quá trình điều tra, Phạm Thanh K, Thi Ngọc H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng số 51 /CT-VKSTXGC ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo Phạm Thanh K, Thi Ngọc H về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng vào khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thanh K từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt chấp hành án phạt tù.

Phạt bị cáo Thi Ngọc H 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt chấp hành án phạt tù.

Xử lý vật chứng: 01 xe mô tô hai bánh mang biển kiểm soát 68M6-0218, số máy: 045650, số khung: 045650 do bị cáo K mua của người khác, không có giấy tờ, bị cáo K sử dụng xe này làm phương tiện dùng vào việc phạm tội, nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Nếu sau này có người tranh chấp chiếc xe mô tô này thì giải quyết thành vụ án dân sự khác.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không có ý kiến khác về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo K và bị cáo H đều thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, biết hối hận, xin giảm nhẹ hình phạt tù, khi trở về gia đình lo làm ăn chân chính, hứa không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Gò Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo K, bị cáo H có thừa nhận nội dung của Cáo trạng truy tố hành vi phạm tội bị cáo là đúng và khai thêm rằng: Do các bị cáo bị nghiện ma túy không bỏ được và cần có tiền mua ma túy, nên các bị cáo mới thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác.

Xét thấy, lời nhận tội của bị cáo K, H có phù hợp với lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và biên bản khám nghiệm hiện trường.

Do đó, Hội đồng xét xử đã có đầy đủ chứng cứ kết luận hành vi của bị cáo Phạm Thanh K, Thi Ngọc H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) qui định:

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:”.

Hành vi phạm tội của bị cáo K và bị cáo H thấy có nguy hiểm cho xã hội, bởi vì các bị cáo đã cùng nhau lén lút cố ý trực tiếp xâm phạm đến tài sản của ông Huỳnh Văn T, tổng giá trị thiệt hại là 3.100.000 đ (Ba triệu một trăm nghìn đồng).

Đồng thời hành vi ấy còn gây mất trật tự trị an ở địa phương nơi xảy ra tội phạm và làm cho nhân dân rất bất bình.

Xét về động cơ, mục đích phạm tội, xét thấy bị cáo K, H có đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì tư lợi cá nhân, có tính tham lam, lười biếng lao động chân chính, nghiện ma túy và xem thường pháp luật, từ đó mà các bị cáo mới vấp thân vào con đường phạm tội.

Vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, mặc dù có bàn bạc đi trộm cắp tài sản, nhưng không có sự câu kết chặt chẽ giữa các bị cáo cùng thực

hiện tội phạm, cho nên từng bị cáo phải chịu trách nhiệm tương ứng với hành vi của mình đã gây ra.

Đối với bị cáo Phạm Thanh K là người rủ rê bị cáo Thi Ngọc H đi trộm cắp tài sản và sử dụng xe mô tô của bản thân để thực hiện tội phạm, cho nên bị cáo Phạm Thanh K đóng vai trò chính trong vụ án, còn bị cáo Thi Ngọc H là đồng phạm với vai trò cùng là người thực hành.

Sau khi biết được xe mô tô và xe đạp điện mà bị cáo K và bị cáo H đem gửi là do trộm cắp mà có, nên anh Nguyễn Duy Qu đã đem tài sản đến nhờ ông Ngô Tấn D, sinh năm 1961, ngụ khu phố M, Phường H, thị xã GC đem đến Cơ quan Cảnh sát điều tra giao nộp.

Qua xác minh được biết anh Nguyễn Duy Qu đã bỏ địa phương đi đâu không rõ, Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được nên chưa có căn cứ xác định anh Nguyễn Duy Qu phạm tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

Bị cáo K, bị cáo H phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

Xét về nhân thân, thấy bị cáo K và bị cáo H có nhân thân xấu; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cho nên Hội đồng xét xử có xem xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Vì thế, cần phải có một hình phạt nghiêm khắc tương ứng với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và cần phải cách ly bị cáo K, H ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xử lý vật chứng: Bị cáo K khai do bị cáo mua 01 xe mô tô hai bánh mang biển kiểm soát 68M6-0218, số máy: 045650, số khung: 045650 của khác không rõ họ tên, địa chỉ với giá là 900.000 đồng, từ đó bị cáo K sử dụng xe này làm phương tiện để chở bị cáo H đi trộm cắp tài sản. Cho nên cần tịch thu 01 xe mô tô hai bánh mang biển kiểm soát 68M6-0218, số máy 045650, số khung 045650 sung vào ngân sách nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại, người có liên quan không có yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên không giải quyết.

Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự có phù hợp với phần nhận định đã nêu trên, cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo K, H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thanh K, bị cáo Thi Ngọc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng vào khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử: - Phạt bị cáo Phạm Thanh K 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt chấp hành án phạt tù.

-Phạt bị cáo Thi Ngọc H 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt chấp hành án phạt tù.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tịch thu 01 xe mô tô hai bánh mang biển kiểm soát 68M6-0218, số máy: 045650, số khung: 045650 sung vào ngân sách nhà nước.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản vào ngày 27/11/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thị xã Gò Công và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công, có sự chứng kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo K, bị cáo H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với bị hại và người có liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Án tuyên kết thúc cùng ngày.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSNDTXGC;
- Công anTXGC;
- Chi cục THA DSTXGC;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo, bị hại, người có liên quan;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TRẦN VĂN CÔNG